

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HN-ST

Ngày: 18-6-2020

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhắc

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thùy L, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp M, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Hải H, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp M, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L có mặt, anh H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Thùy L trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Hồ Hải H. Lý do: Chị và anh H do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2012. Trong thời gian sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên cờ bạc làm cho kinh tế ngày càng giảm sút. Vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành do không còn thấy hạnh phúc, nay thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Hồ Thị Bảo Đ, sinh ngày 29/9/2008, trước đây con sống cùng mẹ bên gia đình ngoại, hiện nay do ông bà ngoại đi làm nên chị gởi con về bên nội đi học, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Hồ Hải H vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời trình bày.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập. Bị đơn vắng mặt không lý do.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thùy L; Con chung: Hồ Thị Bảo Đ, sinh ngày 29/9/2008, để chị L trực tiếp nuôi, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; Tài sản chung: Không yêu cầu; Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thùy L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Đỗ Thị Thùy L là nguyên đơn, anh Hồ Hải H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Hồ Hải H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thùy L, thấy rằng:

Chị L cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, có thời gian dài không sống chung nên không thể hàn gắn. Nay xác định không còn tình cảm với anh H nên quyết định ly hôn.

Anh H vắng mặt không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương ấp M, xã H cho biết thông tin: Hôn nhân giữa anh H và chị L là có thật, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Qua cuộc họp tổ tại địa phương không có đơn

yêu cầu hòa giải vợ chồng. Không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng. Giữa vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Thị Bảo Đ đang sống chung với ông bà nội, đang đi học tại địa phương.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H là có thật. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đi làm xa nên thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau. Đã có một thời gian dài không còn sống chung, trong thời gian này vợ chồng cũng không có hướng hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải nhằm tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng anh H không đến Tòa, điều đó chứng minh anh H không có thiện chí hòa giải với chị L. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Hồ Thị Bảo Đ, sinh ngày 29/9/2008, khi ly hôn chị L xin trực tiếp nuôi con. Thấy rằng, theo chị L trình bày, trước đây cháu Đ sống cùng mẹ bên gia đình ngoại, trong thời gian gần đây do ngoại đi làm xa nên gửi con về bên nội để đi học, gia đình 02 bên cũng gần nhau. Xét thấy nguyện vọng của con là được sống chung với mẹ, cháu lại là con gái, đang tuổi trưởng thành cần có mẹ chăm sóc, dạy bảo. Do đó, cần để chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L trình bày không yêu cầu, anh H không có lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày không có, anh H không có lời trình bày, không giải quyết.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thùy L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Đỗ Thị Thùy L được ly hôn với anh Hồ Hải H.

2. Về con chung: Hồ Thị Bảo Đ, sinh ngày 29/9/2008, khi ly hôn chị Đỗ Thị Thùy L được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Đỗ Thị Thùy L không yêu cầu anh Hồ Hải H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thùy L trình bày không yêu cầu, anh Hồ Hải H không có lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thùy L trình bày không có, anh Hồ Hải H không có lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Đỗ Thị Thùy L phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010335 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Đỗ Thúy Hằng**